

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiền thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012.

2. Chủ tịch và các thành viên Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| - Ông Vũ Đức Tuấn | Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty |
| - Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Giám đốc |
| - Ông Trương Quang Vệ | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Thế Hùng | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Quốc Thành | Phó Giám đốc |
| - Ông Tạ Quang Tuấn | Phó Giám đốc |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và trụ sở của các chi nhánh, xí nghiệp như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Hà Nội	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- XN Dầu nhờn	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vận tải Thủy	Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Xếp Dỡ	Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Cẩm Phả	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Hòn Gai	Đường Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

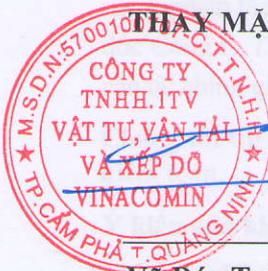
Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo đúng các yêu cầu trên.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tuấn
Giám đốc

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên

Số: 112/2013/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin được lập ngày 10/08/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà

Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0740-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2013-009-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.386.056.801.241	960.609.612.006
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	20.880.889.339	18.759.837.830
Tiền	111		8.880.889.339	18.759.837.830
Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.135.531.063.861	760.816.909.066
Phải thu khách hàng	131		1.133.123.776.509	759.770.078.730
Trả trước cho người bán	132		1.596.825.240	274.610.945
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		640.008.125	684.699.421
Các khoản phải thu khác	135	5.2	170.453.987	115.619.970
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(28.100.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	227.860.705.221	179.563.080.385
Hàng tồn kho	141		233.860.705.221	185.563.080.385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.784.142.820	1.469.784.725
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.067.912.165	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154		-	8.547.300
Tài sản ngắn hạn khác	158		716.230.655	1.461.237.425
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.447.805.902	132.427.629.956
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		116.527.125.439	124.780.138.627
TSCĐ hữu hình	221	5.5	115.940.644.869	124.340.061.354
- Nguyên giá	222		382.913.741.143	386.815.505.703
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(266.973.096.274)	(262.475.444.349)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	586.480.570	440.077.273
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		9.920.680.463	7.647.491.329
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.240.680.463	6.962.491.329
Tài sản dài hạn khác	268		680.000.000	685.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.512.504.607.143	1.093.037.241.962

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.362.538.362.219	960.002.880.002
Nợ ngắn hạn	310		1.290.546.530.261	876.626.711.309
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	498.752.242.174	260.690.850.914
Phải trả người bán	312		711.753.054.674	556.780.494.009
Người mua trả tiền trước	313		1.127.832.451	652.517.939
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	8.408.380.247	9.485.295.704
Phải trả người lao động	315		46.515.150.795	21.044.682.890
Chi phí phải trả	316	5.10	505.485.066	359.486.174
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	6.831.238.931	8.445.337.756
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.653.145.923	19.168.045.923
Nợ dài hạn	330		71.991.831.958	83.376.168.693
Phải trả dài hạn khác	333		16.000.000	16.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	71.609.569.138	82.993.905.873
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		366.262.820	366.262.820
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.089.740.125	130.732.723.216
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	148.089.740.125	130.732.723.216
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.500.000.000	90.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.870.015.434	20.750.763.491
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		5.661.545.802	5.780.797.745
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.814.062.909	13.701.161.980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.244.115.980	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
VỐN GÓP LIÊN DOANH	500	5.14	1.876.504.799	2.301.638.744
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.512.504.607.143	1.093.037.241.962

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

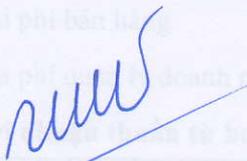
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài	01	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		365.882.893	365.882.893
Nợ khó đòi đã xử lý	10	11.581.945.236	11.553.845.236
Ngoại tệ các loại		-	-
Ngoại tệ (USD)	11	101,69	100,82
Ngoại tệ (EUR)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	20	-	-

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

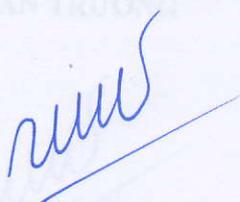
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.043.868.931.882	3.459.918.404.753
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	3.043.868.931.882	3.459.918.404.753
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	2.926.680.477.852	3.339.596.159.818
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.188.454.030	120.322.244.935
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	258.368.424	718.973.721
Chi phí tài chính	22	6.6	33.443.100.416	32.739.871.829
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.946.922.314	32.727.634.218
Chi phí bán hàng	24		49.161.685.372	57.867.888.477
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.048.389.190	26.059.115.110
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.793.647.476	4.374.343.240
Thu nhập khác	31		6.277.992.400	6.678.934.019
Chi phí khác	32		1.746.151.903	232.040.465
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.531.840.497	6.446.893.554
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.325.487.973	10.821.236.794
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.081.371.993	2.705.309.199
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		18.244.115.980	8.115.927.595

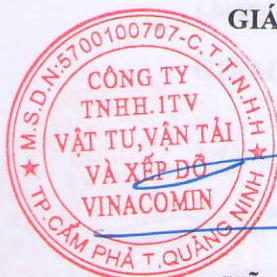
Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

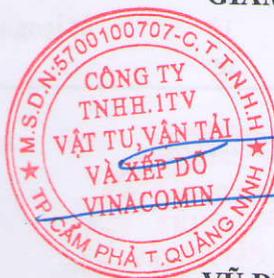
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	9.485.295.704	38.334.299.800	39.513.638.857	8.305.956.647
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.063.236.933	19.052.883.560	19.650.947.933	3.465.172.560
Thuế GTGT hàng NK	12	-	7.355.430.811	7.355.430.811	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	2.470.305.878	2.470.305.878	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	5.072.722.644	6.081.371.993	6.677.431.486	4.476.663.151
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuê đất	18	215.460.641	2.687.432.575	2.573.558.243	329.334.973
Các khoản thuế khác	19	133.875.486	686.874.983	785.964.506	34.785.963
Thuế môn bài		-	10.000.000	10.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân		133.875.486	676.874.983	775.964.506	34.785.963
Các loại thuế khác		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	(8.547.300)	665.855.700	554.884.800	102.423.600
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	33	(8.547.300)	665.855.700	554.884.800	102.423.600
Các khoản khác	34	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	9.476.748.404	39.000.155.500	40.068.523.657	8.408.380.247

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.325.487.973	10.821.236.794
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.285.891.708	15.938.095.137
Các khoản dự phòng	03	(28.100.000)	(45.320.625)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	115.136.775	
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.355.113.529)	(1.485.420.721)
Chi phí lãi vay	06	32.946.922.314	32.727.634.218
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	69.290.225.241	57.956.224.803
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(374.922.710.694)	(708.661.422.613)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(48.297.624.836)	24.977.864.277
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	176.341.188.129	267.125.804.233
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.346.101.299)	(952.206.285)
Tiền lãi vay đã trả	13	(32.831.053.258)	(32.727.634.218)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.677.431.486)	(3.399.740.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(220.443.508.203)	(395.681.110.524)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(4.929.767.622)	(2.960.158.095)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.164.424.000	766.447.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	190.689.529	718.973.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.574.654.093)	(1.474.737.374)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	(425.133.945)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.440.948.226.547	2.070.530.325.545
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.214.383.878.797)	(1.744.652.139.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	226.139.213.805	325.878.186.527
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.759.837.830	89.502.799.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.880.889.339	18.225.138.110

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiền thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Công thương đã có quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty có các chi nhánh và xí nghiệp như sau:

- Chi nhánh Hà Nội
- Xí nghiệp Dầu nhờn
- Xí nghiệp Vận tải Thủy
- Xí nghiệp Xếp dỡ
- Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả
- Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.288 người, trong đó số cán bộ quản lý là 325 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp trong công tác lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty. Ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Từ ngày 10/06/2013, Công ty áp dụng Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính thay cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 để ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Việc thay đổi chính sách đối với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính (tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp - Than Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin). Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa
- Giá đích danh (riêng Xí nghiệp Vận tải vận tải Hòn Gai và Xí nghiệp Vật tư vận tải Cẩm Phả sử dụng phương pháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó (được tính theo giá gốc của khoản đầu tư)
- Thành phẩm Bình quân gia quyền
 - Chi phí SXKD dở dang Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh phục vụ cho nhiều năm tài chính, bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị còn lại chưa phân bổ của các tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ và các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và nguồn vốn tự bổ sung tại đơn vị.

Các quỹ được hình thành do phân phối lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày

ẤN
AAB
TÀI
CHI T
CÓM H
CH NHTO
KIẾT
FC VA F
TẠI
Y
IGP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

17/9/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	2.791.816.782	537.416.122
Tiền gửi ngân hàng (ii)	5.517.106.486	18.222.421.708
Tiền đang chuyển	571.966.071	-
Các khoản tương đương tiền (iii)	12.000.000.000	-
Cộng	<u>20.880.889.339</u>	<u>18.759.837.830</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2013 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		2.791.816.782
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		<u>2.791.816.782</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2013 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	101,69 #	2.116.676
Đồng Việt Nam		5.514.989.810
Cộng	<u>101,69</u>	<u>5.517.106.486</u>

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2013 bao gồm:

	<u>30/06/2103</u>
	(VND)
<i>N.hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Quảng Ninh</i>	12.000.000.000
Cộng	<u>12.000.000.000</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Phải thu người lao động	13.992.140	14.590.920
Thuế GTGT chưa kê khai	12.195.642	-
Tạm ứng cho bộ phận thi hành án	46.482.000	-
Phải thu khuyến khích giảm tỷ lệ hao hụt hàng hóa	17.451.687	-
Phải thu khác	80.332.518	101.029.050
Cộng	170.453.987	115.619.970

5.3. Hàng tồn kho

	30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Hàng mua đang đi đường	22.954.202.261	16.539.660.090
Nguyên liệu, vật liệu	64.487.223.742	48.572.916.396
Công cụ, dụng cụ	1.431.129.296	1.484.199.927
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	829.509.549	-
Thành phẩm	14.602.003.982	15.468.419.148
Hàng hóa	129.401.117.393	103.291.396.860
Hàng gửi bán	155.518.998	206.487.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	227.860.705.221	179.563.080.385

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.300.000	-
Chi phí bảo hiểm	329.902.236	-
Tiền thuê đất phân bổ cho kỳ sau	530.658.495	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	206.051.431	-
Cộng	1.067.912.165	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	81.005.613.745	79.746.596.570	222.904.373.481	1.447.189.068	1.711.732.839	386.815.505.703
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	445.695.178	24.102.220	7.181.818	-	-	476.979.216
- Tăng khác	12.212.797.988	(7.759.263.051)	(1.025.931)	279.400	-	4.452.788.406
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.686.136.988)	(1.092.107.500)	(4.877.782.048)	(336.363.447)	-	(7.992.389.983)
- Chuyển sang CCDC	(255.027.317)	(238.901.852)	-	(184.241.122)	-	(678.170.291)
- Giảm khác	-	(160.971.908)	-	-	-	(160.971.908)
Số dư cuối năm	91.722.942.606	70.519.454.479	218.032.747.320	926.863.899	1.711.732.839	382.913.741.143
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	50.748.127.545	34.632.847.508	174.601.990.066	1.181.378.914	1.311.100.316	262.475.444.349
- Khấu hao trong kỳ	4.098.289.176	3.287.206.142	5.739.443.978	71.922.964	89.029.448	13.285.891.708
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	1.099.231	7.982.642	(9.361.273)	279.400	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.668.222.997)	(1.092.107.500)	(4.877.782.048)	(336.363.447)	-	(7.974.475.992)
- Chuyển sang CCDC	(255.027.317)	(213.523.444)	-	(184.241.122)	-	(652.791.883)
- Giảm khác	-	(160.971.908)	-	-	-	(160.971.908)
Số dư cuối kỳ	52.924.265.638	36.461.433.440	175.454.290.723	732.976.709	1.400.129.764	266.973.096.274
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	30.257.486.200	45.113.749.062	48.302.383.415	265.810.154	400.632.523	124.340.061.354
Tại ngày cuối kỳ	38.798.676.968	34.058.021.039	42.578.456.597	193.887.190	311.603.075	115.940.644.869
- Thẻ chấp, cầm cố						
- Đã KH hết, đang sử dụng						
- Chờ thanh lý						

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Chi phí XDCB dở dang	586.480.570	440.077.273
Thiết kế tàu chở công nhân	270.962.388	-
Lập bản đồ hiện trạng sân, kho dầu nhờn	79.090.909	-
Sửa chữa tàu Hạ Long 09	33.350.000	-
Quy hoạch kho dầu nhờn VTHG	36.000.000	36.000.000
Phần mềm kế toán Fast	-	237.000.000
Cam kết BVMT kho dầu Mông Dương	36.760.000	36.760.000
Chi phí TVTK CH xăng dầu Mông Dương	130.317.273	130.317.273

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Chi phí công cụ dụng cụ	1.338.682.278	1.430.908.009
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.727.948.641	3.110.896.602
Tiền thuê nhà Chi nhánh Hà Nội	360.000.000	-
Chi phí trả trước khác trên 1 năm	4.814.049.544	2.420.686.718
Cộng	9.240.680.463	6.962.491.329

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>30/06/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vay ngắn hạn	498.752.242.174	260.690.850.914
NH TMCP Công thương VN - Cẩm Phả	165.338.440.000	84.622.800.000
NH Đầu tư và Phát triển - Cẩm Phả	-	74.214.050.914
NH TMCP Ngoại thương VN - Quảng Ninh	69.238.780.000	72.808.000.000
Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin	244.246.468.000	29.046.000.000
NH TMCP Hàng Hải - Cẩm Phả	19.928.554.174	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	498.752.242.174	260.690.850.914

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng nội địa	3.465.172.560	4.063.236.933
Thuế thu nhập cá nhân	34.785.963	133.875.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.476.663.151	5.072.722.644
Thuế đất	329.334.973	215.460.641
Các khoản phí, lệ phí	102.423.600	-
Cộng	8.408.380.247	9.485.295.704

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10. Chi phí phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
	(VND)	(VND)
Chi phí lãi vay	63.830.530	82.840.786
Chi phí thuê thiết kế tàu chở công nhân	270.962.388	-
Chi phí kiểm toán BCTC năm 2013	76.735.000	-
Trích trước chi phí vận chuyển	12.300.000	-
Trích trước tiền thuê VP CN Hà Nội	36.000.000	-
Tiền điện thoại phải trả	40.553.138	38.768.801
Chi phí TVTK cửa hàng XD Mông Dương	-	130.317.273
Chi phí phải trả khác	5.104.010	107.559.314
Cộng	505.485.066	359.486.174

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	45.483.190	252.342.382
Bảo hiểm xã hội	54.219.550	46.700.730
Tài sản thừa chờ giải quyết	153.935.047	119.229.704
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	6.577.601.144	8.027.064.940
Cộng	6.831.238.931	8.445.337.756

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác	30/06/2013
	(VND)
<i>Kinh phí hoạt động Đảng</i>	149.146.576
<i>Quỹ văn hóa xã hội, thể thao</i>	258.588.094
<i>Khấu hao bếp ăn tập thể</i>	58.756.147
<i>BHXH ứng tiền khám chữa bệnh</i>	52.928.015
<i>Tiền học phí lớp lái cầu</i>	27.806.000
<i>Công an chuyển tiền thu hộ Hapexco</i>	300.000.000
<i>Phải trả đối tác góp vốn hợp tác kinh doanh</i>	312.238.740
<i>CBCNV nộp kinh phí đi tham quan năm 2013</i>	261.000.000
<i>Tiền gửi tiết kiệm của CBCNV</i>	4.000.000.000
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	1.157.137.572
Cộng	6.577.601.144

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

5.12. Vay và nợ dài hạn

		<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		(VND)	(VND)
Vay dài hạn			82.993.905.873
Vay ngân hàng	(i)	65.563.911.556	73.447.971.316
Vay Tập đoàn Vinacomin	(ii)	5.233.700.800	7.110.091.775
Vay cán bộ công nhân viên			-
Vay Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin	(iii)	811.956.782	2.435.842.782
Nợ dài hạn			-
Cộng		<u>71.609.569.138</u>	<u>82.993.905.873</u>

(i) Số dư tiền vay ngân hàng tại 30/06/2013 bao gồm:

		<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	(a)	13.569.264.000
N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	(b)	32.072.818.240
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh	(c)	3.480.852.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh	(d)	7.834.328.570
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	(e)	8.606.648.746
Cộng		<u>65.563.911.556</u>

Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả 6 tháng cuối năm 2013 như sau:

	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	4.899.676.812
N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	4.556.928.240
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh	673.034.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh	2.137.198.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	300.000.000
Cộng	<u>12.566.837.052</u>

- a. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 30/06/2013 là 13.569.264.000 đồng bao gồm 09 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 năm đến 8 năm với mức lãi suất là 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- b. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 30/06/2013 là 32.072.818.240 đồng bao gồm 17 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 đến 8 năm và với mức lãi suất thả nổi. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
- c. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/06/2013 là 3.480.852.000 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 10,5%/năm đến 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

- d. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/06/2013 là 7.834.328.570 đồng bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 12%/năm đến 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- e. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/06/2013 là 8.606.648.746 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 7 năm và với mức lãi suất là 14,6%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Số dư nợ vay dài hạn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại ngày 30/06/2013 là 246.640 Đô la Mỹ (USD) tương đương 5.233.700.800 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 101.167 USD tương đương 2.146.763.740 đồng) bao gồm 03 hợp đồng vay với mức lãi suất từ 6,017%/năm đến 6,558%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.
- (iii) Số dư nợ vay Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin tại ngày 30/06/2013 là 811.956.782 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 811.956.782 đồng) bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 6 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		CL tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.999.676.515	-	-	719.541.642	12.092.145.601	200.000.000	39.876.876	-	-	-	-	-	-	-	-	120.051.240.634
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	20.750.763.491	-	5.061.256.103	2.351.601.788	-	-	-	-	-	-	-	24.059.170.805	-	24.059.170.805	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(16.499.676.515)	-	-	-	(742.585.409)	(200.000.000)	(39.876.876)	(24.059.170.805)	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	90.500.000.000	20.750.763.491	20.750.763.491	5.780.797.745	13.701.161.980	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	130.732.723.216
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	119.251.943	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.244.115.980	-	18.244.115.980	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(119.251.943)	(887.099.071)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư kỳ này	90.500.000.000	20.870.015.434	20.870.015.434	5.661.545.802	12.814.062.909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	148.089.740.125

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	90.500.000.000	90.500.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
Cộng	90.500.000.000	90.500.000.000

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	5.661.545.802	5.780.797.745
Quỹ dự phòng tài chính	12.814.062.909	13.701.161.980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	18.475.608.711	19.481.959.725

Mục đích sử dụng các quỹ:

- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không có khả năng thu hồi xảy ra trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc bù đắp khoản lỗ của Công ty.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ trang thiết bị hoặc sử dụng để đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.14 Nhận vốn góp liên doanh

		30/06/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Công ty CP Đầu tư Vật tư VT và xếp dỡ	(i)	851.329.302	1.276.463.247
Công ty APP	(ii)	1.025.175.497	1.025.175.497
Cộng		1.876.504.799	2.301.638.744

(i) Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư vật tư vận tải và xếp dỡ.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 77/HĐ-KH ngày 10/6/2009 về việc góp vốn đầu tư hoán cải tàu dầu QN 3124 từ 500 m3 thành 800 m3.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02A/HĐ-KH ngày 01/01/2008 về việc góp vốn đầu tư tàu chở dầu 800m3 theo dự án của Công ty Vật tư Vận tải & Xếp dỡ - Vinacomin để vận chuyển dầu (DO) phục vụ cho các đơn vị sản xuất than của Tập đoàn và các đối tượng khác.

(ii) Đối với Công ty APP về việc hợp tác liên doanh sản xuất dầu nhờn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.043.868.931.882	3.459.918.404.753
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>2.931.410.190.477</i>	<i>3.349.604.099.791</i>
Doanh thu bán hàng hoá	2.802.254.103.127	3.230.444.464.501
Doanh thu bán thành phẩm	129.156.087.350	119.159.635.290
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>112.458.741.405</i>	<i>110.314.304.962</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	3.043.868.931.882	3.459.918.404.753
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	2.802.254.103.127	3.230.444.464.501
Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	129.156.087.350	119.159.635.290
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	112.458.741.405	110.314.304.962

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	2.744.257.983.801	3.163.945.617.138
Giá vốn thành phẩm đã bán	92.384.422.030	89.621.396.232
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	90.038.072.021	86.029.146.448
Cộng	2.926.680.477.852	3.339.596.159.818

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.689.529	705.242.226
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	13.731.495
Chiết khấu thanh toán nhận được	33.580.340	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.098.555	-
Cộng	258.368.424	718.973.721

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Lãi tiền vay	32.946.922.314	32.727.634.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.687.358	12.237.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.136.775	
Chi phí hoạt động tài chính khác	348.353.969	-
Cộng	33.443.100.416	32.739.871.829

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.081.371.993	2.705.309.199
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.325.487.973	10.821.236.794
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		-
- Tổng thu nhập chịu thuế		-
- Chuyển lỗ năm trước		-
- Thu nhập tính thuế	24.325.487.973	10.821.236.794
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.081.371.993	2.705.309.199
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay		-
Cộng	6.081.371.993	2.705.309.199

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	108.907.678.043	116.047.492.095
Chi phí nhân công	79.625.534.564	80.295.929.300
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.285.891.708	15.938.095.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.723.980.662	34.493.766.035
Chi phí khác bằng tiền	15.328.605.089	20.002.827.617
Cộng	245.871.690.066	266.778.110.184

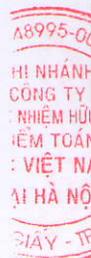
7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 30/06/2013 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2013 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 03A: Báo cáo chi tiết TSCĐ mua từ các đơn vị nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm báo cáo.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 30/06/2013

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 30/06/2012 của Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam).

7.3 Thông tin khác

Ngày 03/04/2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 526/QĐ-VINACOMIN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin trong năm 2013. Theo đó, Công ty đang thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2013 và xây dựng phương án cổ phần hóa trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TUẤN